

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn ; www.bentrepc.vn



TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



THÁNG 06/2018



DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Danh mục tài liệu.
2. Chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
3. Quy chế làm việc tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
4. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.
5. Báo cáo Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.
6. Báo cáo Kết quả hoạt động của BKS năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.
7. Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán năm 2017.
8. Báo cáo các vấn đề khác.
9. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.
10. Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty.
11. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
12. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.
13. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
14. Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

(Bắt đầu lúc 07h15 ngày 19 tháng 06 năm 2018)

Thời gian	Nội dung
7h15 - 8h00	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông.- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự.
8h00 – 8h15	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội.- Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa đoàn.- Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết.- Chủ tọa thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.- Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội.
8h15 – 09h15	<ul style="list-style-type: none">- Các vấn đề thông qua tại Đại hội:- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch năm 2018.- Báo cáo Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch năm 2018.- Báo cáo Kết quả hoạt động của BKS năm 2017 và Kế hoạch năm 2018.- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017.- Báo cáo các vấn đề khác.- Các tờ trình:- Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.- Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch năm 2018.- Tờ trình Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty.- Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.- Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.- Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
9h15 - 10h15	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận các nội dung và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.
10h15 - 10h30	<ul style="list-style-type: none">- Nghỉ giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc
10h30 – 10h40	<ul style="list-style-type: none">- Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
10h40 – 11h00	<ul style="list-style-type: none">- Thư ký đọc Biên bản.- Chủ tọa đọc Nghị quyết Đại hội.- Đại hội biểu quyết thông qua.- Chủ tọa đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại: 0275 3826 358 Fax: 0275 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE NĂM 2018

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre năm 2018 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng

cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 01/06/2018 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định;

- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;

- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- a. Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
- Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

- o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
- o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch năm 2018; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
- o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 01/06/2018) tổng số cổ phần của Công ty là: 3.600.000 cổ phần tương đương với 3.600.000 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp 2014).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 45/BC-CTĐT

Bến Tre, ngày 7 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

1. Tình hình chung:

Năm 2017 là một năm tăng trưởng chung của nền kinh tế Việt Nam, GDP tăng đến 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% cùng với sự mở cửa, hội nhập chung, Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre đã nắm bắt cơ hội và tạo ra việc làm cũng như doanh thu cho Công ty. Tuy nhiên, đứng trước những tác động khó lường từ tình hình thời tiết trên địa bàn, cũng như các chính sách về quy trình đấu thầu dự án và biến động của giá cả chung đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm.

Với bề dày 20 năm kinh nghiệm trong ngành dịch vụ công ích, cùng với sự hỗ trợ của các cấp chính quyền từ thành phố đến Tỉnh cũng như nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên, Công ty đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các đơn đặt hàng địa bàn Thành phố Bến Tre và các hợp đồng với các Chủ đầu tư luôn được Công ty hoàn thành đúng hạn, chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích ngày càng nâng cao, được các khách hàng tin cậy, dư luận đánh giá cao.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2017:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	KH	Năm 2017		
					TH	%/2016	%/KH
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	56.064	57.000	69.250	123,52	121,49
	- Doanh thu các công trình	"	13.153	16.800	20.916	158,81	124,33
	- Doanh thu dịch vụ công ích	"	42.544	40.000	47.908	112,61	119,77
	- Doanh thu khác	"	367	200	426	123,75	226,79
2	Lao động & thu nhập						
	Lao động bình quân	Người	175	186	176	100,57	94,62
	Thu nhập bình quân	Tr đồng	6,618	7,175	7,236	109,34	100,85
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	7.023	7.125	8.237	117,28	115,61
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	1.479	1.500	1.721	116,38	114,77
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	5.571	5.652,9	6.516	116,95	115,26
6	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	1.267	1.256	1.456	114,92	115,92
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức / (VDL)	%	10,13	10,21	11,85	116,96	116,05
8	Chia cổ tức / (VDL)	%	10,00	10,34	10,50	105,00	101,55
9	Lợi nhuận giữ lại / (VDL)	%	0,13		1,35	123,52	121,49

- Kết quả thực hiện doanh thu năm 2017 đạt 121,49% so với Kế hoạch đề ra và đạt 123,52% so với cùng kỳ năm 2016, xét về chỉ tiêu doanh thu các công trình thì Công ty đạt vượt 24,33% so kế hoạch được giao, tăng 58,81% so với năm 2016. Doanh thu từ các dịch vụ công ích tăng 12,61% so với năm 2016, vượt 19,77% so với kế hoạch.



- Thu nhập bình quân của người lao động tăng 9,34% so với năm 2016.
- Kết quả doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2017 đều tăng so với năm 2016 và vượt kế hoạch đề ra.

Kết quả kinh doanh nêu trên bị tác động bởi một số điểm thuận lợi và khó khăn sau:

❖ **Thuận lợi**

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre, cùng các Sở Ban Ngành Tỉnh và các Phòng Ban thành phố đã tạo điều kiện thuận lợi giúp cho Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao trong năm 2017.
- Vị thế, hình ảnh của công ty trong hoạt động dịch vụ công ích và thi công các công trình xây dựng ngày càng được nâng cao và chiếm được sự tin tưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
- Đến năm thứ 3 hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, BTU dần ổn định và hoàn thiện bộ máy hoạt động của Công ty. BTU thực hiện rà soát, đánh giá lại hoạt động của các phòng ban chức năng và đưa ra những quyết định thay đổi, luân chuyển nhân sự nhằm phân công đúng người, đúng việc phù hợp với năng lực của từng cá nhân nhằm phát huy tối đa nguồn lực của người lao động.
- Chú trọng công tác đào tạo nguồn lao động có tay nghề cao. Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như: bảo hiểm xã hội, tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, các chuyến đi công tác xã hội, giao lưu với các đơn vị trên địa bàn tỉnh nhà...
- Tiến hành xây dựng, phân rõ quyền lợi, trách nhiệm của các bộ phận nhằm minh bạch hóa trong hoạt động và đóng góp của các bộ phận, phòng ban vào thành quả của công ty. Có những phần thưởng nhằm khuyến khích những cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc, sáng kiến nhằm cải thiện dịch vụ của Công ty ngày càng tốt hơn và đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Cán bộ công nhân viên và tập thể người lao động công ty luôn đoàn kết, gắn bó, phối hợp chặt chẽ hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Ban lãnh đạo theo sát tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, kịp thời phát hiện sai sót, đưa ra phương hướng giải quyết hợp lý và hiệu quả.
- Ban lãnh đạo công ty tăng cường mối quan hệ với các đơn vị, mở rộng thị trường hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.
- Duy trì được khách hàng, địa bàn hoạt động truyền thống từ đó ổn định doanh thu, nâng cao uy tín và vị thế của Công ty trong ngành.

❖ **Khó khăn**

- Nguồn vốn Công ty còn nhiều hạn chế nên chưa thể đầu tư đổi mới trang thiết bị đã cũ kỹ, lạc hậu.
- Đơn giá, khối lượng thực hiện các dịch vụ công ích của Công ty phải thực hiện theo quy định của nhà nước, đồng thời ngân sách của các địa phương dành cho công tác kiến thiết thị chính ngày càng hạn hẹp điều đó ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu của công ty.
- Ý thức người dân chưa cao, vẫn còn tình trạng làm hư hỏng kết cấu hạ tầng đô thị, vứt rác bừa bãi.
- Tình trạng quá tải của bãi rác Phú Hưng gây ô nhiễm môi trường cục bộ, làm gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh.
- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn, mức độ cạnh tranh cao, rủi ro lớn.... Trên địa bàn có nhiều đơn vị doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh mở ra ngành nghề kinh doanh cạnh tranh với công ty.



3. Kết quả hoạt động năm 2017:

3.1. Công tác điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2017, Công ty đã dần hoạt động ổn định theo mô hình Công ty cổ phần. Các kế hoạch cho từng lĩnh vực kinh doanh được triển khai hợp lý và có hiệu quả, mang lại doanh thu cao cho Công ty, nhất là việc tập trung nhận thầu thi công công trình. Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt việc điều phối lao động, tránh lãng phí nguồn nhân lực cũng như một số chi phí không cần thiết, tập trung phát huy các thế mạnh có sẵn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích, đẩy mạnh việc hoàn thành thêm nhiều công trình xây dựng. Bên cạnh đó, việc phát triển sang lĩnh vực xây dựng dân dụng góp phần nâng cao vị thế Công ty tại địa bàn tỉnh Bến Tre và củng cố lợi thế cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp khác. Ngoài việc đem lại những lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Công ty còn đồng hành cùng với địa phương nhằm chung tay xây dựng Thành phố Bến Tre sớm trở thành đô thị loại II trước năm 2020.

3.2. Công tác tài chính:

Bộ phận kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện cơ bản chức năng nhiệm vụ, kiểm tra, kiểm soát công tác kế toán - tài chính kịp thời, chặt chẽ, chính xác. Báo cáo tài chính đã cung cấp đầy đủ các thông tin và phản ánh trung thực về hoạt động của các bộ phận nói riêng và của Công ty nói chung. Các khoản phải thu, phải trả, tài sản, nguồn vốn được quản lý một cách hiệu quả đồng thời nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính.

3.3. Công tác nhân sự:

Công tác nhân sự của Công ty luôn ổn định, đội ngũ nhân viên có trách nhiệm làm thêm giờ nhằm đáp ứng tiến độ sản xuất, kinh doanh.

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2017 của công ty là 175 người, tiền lương bình quân của CNVC-LĐ là 6,116 triệu đồng/người/tháng.

Các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, các khoản phúc lợi cho CNVC-LĐ đều được thực hiện theo quy định hiện hành và chính sách chung của công ty, đảm bảo đời sống cho CNVC-LĐ yên tâm công tác, gắn bó với doanh nghiệp.

II. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH	KH 2018	
			2017	Giá trị	%/2017
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	69.250	70.000	101,08
	- Doanh thu các công trình	"	20.916	16.300	78,04
	- Doanh thu dịch vụ công ích	"	47.908	53.500	111,67
	- Doanh thu khác	"	426	200	44,09
2	Lao động & thu nhập				
	Lao động bình quân	Người	176	181	102,84
	Thu nhập bình quân	Tr đồng	7.236	7.250	100,19
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	8.237	8.365	101,55
4	Nộp ngân sách	Tr đồng	1.721	1.732	100,60
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	6.516	6.633	101,80
6	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	1.456	1.478	101,51



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	
				Giá trị	%/2017
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức/(VĐL)	%	11,85	12,01	101,36
8	Chia cổ tức /(VĐL)	%	10,50	11,00	104,76
9	Lợi nhuận giữ lại/(VĐL)	%	1,35	1,01	74,90

2. Một số giải pháp thực hiện:

2.1. Công tác điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đầu tư mua mới một số thiết bị, phương tiện vận tải hư cũ, mua thêm các loại máy móc hiện đại phục vụ tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đẩy mạnh quảng bá cho các hoạt động vệ sinh đô thị, thi công lắp đặt các công trình chiếu sáng công cộng, thi công xây dựng đường giao thông nông thôn, sản xuất và kinh doanh cây, hoa kiểng ... Hoạt động Marketing sẽ chủ yếu tập trung vào các công trình trọng điểm ở địa bàn tỉnh Bến Tre. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng khai thác các công trình thi công từ nguồn vốn ngân sách.

Tiếp tục cải tiến mô hình quản trị doanh nghiệp thích ứng với môi trường hoạt động, nâng cao nhận thức về công tác quản lý cho các Phòng, Đội chuyên môn đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chủ động tìm kiếm các đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động trong và ngoài tỉnh, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Hoàn thành những đơn đặt hàng và hợp đồng với các Chủ đầu tư đảm bảo chất lượng sản phẩm và thời gian theo quy định.

Từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre (Công ty con).

2.2. Công tác tài chính:

Tổ chức ghi nhận và hạch toán báo cáo tài chính rõ ràng, minh bạch và đúng quy định. Thực hiện cân đối, hợp nhất báo cáo tài chính phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế tại Công ty.

2.3. Công tác nhân sự:

Nâng cao năng lực quản lý và điều chỉnh các chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp và công bằng để khuyến khích phát triển nguồn nhân lực; phát triển bộ máy quản lý đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển của Công ty.

Tăng cường, khuyến khích các hình thức tập huấn, đào tạo, nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực cho việc phát triển của Công ty.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2017; phương hướng hoạt động năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc xin thông qua trước Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn!


TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÔ TRUNG KIÊN



Số: 15/BC-HĐQT

Bến Tre, ngày 07 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 05 cuộc họp (từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2017). Cụ thể như sau:

Thời gian	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1/ Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	5	100%	
2/ Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên	5	100%	
3/ Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên	5	100%	
4/ Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	2	40%	Miễn nhiệm từ 3/6/2017
5/ Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	2	40%	Tham gia từ 3/6/2017
6/ Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	5	100%	

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
1	15/NQ-HĐQT	10/01/2017	Bổ nhiệm Chủ tịch và Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên hạch toán độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con
2	16/NQ-ĐHĐCĐ	15/02/2017	Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre (lấy ý kiến bằng văn bản về việc cổ đông Nhà nước thoái vốn trước thời hạn; Lần 1 = 14,71% VDL)
3	17/NQ-HĐQT	19/04/2017	Điều chỉnh giám vốn điều lệ Công ty TNHH MTV hạch toán độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con
4	18/NQ-HĐQT	19/04/2017	Tạm ứng cổ tức năm 2016 và tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2017
5	19/NQ-HĐQT	18/05/2017	Thay đổi địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017
6	20/NQ-ĐHĐCĐ	03/06/2017	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
7	21/NQ-HĐQT	15/11/2017	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản về việc thoái vốn nhà nước (lần 2)



STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
8	22/NQ-ĐHĐCĐ	22/12/2017	Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre (lấy ý kiến bằng văn bản về việc cổ đông Nhà nước thoái vốn trước thời hạn; Lần 2 = 24% VDL)
9	20/QĐ-HĐQT	24/02/2017	Góp vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre
10	21/QĐ-HĐQT	20/3/2017	Sửa đổi và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre
11	22/QĐ-HĐQT	10/04/2017	Ban hành Quy chế công tác thi đua khen thưởng
12	23/QĐ-HĐQT	25/04/2017	Ban hành Quy chế tiền lương và thu nhập cho người lao động Công ty
13	24/QĐ-HĐQT	07/07/2017	Giao Kế hoạch SX-KD năm 2017 cho Ban điều hành Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre
14	25/QĐ-HĐQT	07/07/2017	Giao Kế hoạch SX-KD năm 2017 cho Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre
15	26/QĐ-HĐQT	15/07/2017	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre
16	27/QĐ-HĐQT	28/08/2017	Ban hành Quy chế giao khoán nội bộ
17	28/QĐ-HĐQT	20/11/2017	Ban hành Quy chế trả lương, phân phối tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi cho người quản lý Công ty

3. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đại diện HĐQT có tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty để kịp thời kiểm tra; tham gia chỉ đạo, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Xây dựng, thông qua các quy chế, quy định nội bộ giao cho Tổng giám đốc chủ động thực hiện các phương án sử dụng hợp lý, có hiệu quả mọi nguồn lực hiện có của Công ty.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, phấn đấu của Ban Tổng Giám đốc và các cấp điều hành của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2017 do ĐHĐCĐ đề ra. Để có được kết quả kinh doanh năm qua là sự cố gắng rất lớn của Ban điều hành và tập thể CNLĐ toàn Công ty; với sự nhiệt tình, năng động và thống nhất trong nội bộ, trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc luật pháp, các quyết sách của ĐHĐCĐ và HĐQT đều được Ban điều hành triển khai kịp thời, thận trọng và chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các hoạt động dịch vụ truyền thống và ngành nghề sản xuất kinh doanh mới đều được củng cố, duy trì và tạo được lòng tin từ các chủ



Báo cáo Hội đồng quản trị

đầu tư, các đối tác, khách hàng và cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tạo được sự đồng thuận và khí thế phấn khởi, ra sức thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Việc công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

4. Báo cáo chi phí thù lao của Hội đồng quản trị Công ty:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: - (không thù lao)
- Thành viên HĐQT : 1 người x 5.000.000đ x 12 tháng = 60.000.000 đ
- Thành viên HĐQT : 1 người x 5.000.000đ x 7 tháng = 35.000.000 đ
- Thư ký HĐQT : 1 người x 2.700.000đ x 6,5 tháng = 32.400.000 đ
- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017 : 127.400.000 đồng, bằng 100 % mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2018	Ghi chú
1	- Tổng doanh thu	triệu đồng	70.000,00	
1.1	. Dịch vụ công ích	nt	53.500,00	
1.2	. Thi công các công trình	nt	16.300,00	
1.3	. Doanh thu khác	nt	200,00	
2	- Lợi nhuận thực hiện	nt	8.365,00	
3	- Tổng số nộp ngân sách	nt	1.731,56	
4	- Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/VĐL	%	11,00	

2. Kế hoạch hoạt động:

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty theo hướng bền vững, gắn liền lợi ích Công ty với người lao động và với cộng đồng, chú trọng thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

- Song song với việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, chú trọng xây dựng phát triển thương hiệu; quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty con sớm phát triển theo đúng mục tiêu thành lập. Hội đồng quản trị tiếp tục tập trung vào công tác quản trị nhân sự, tăng cường giám sát, chỉ đạo sâu sát các hoạt động đầu tư, quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý và kiểm soát nội bộ.

- Thường xuyên giám sát và kịp thời hỗ trợ hoạt động của Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, từng bước đổi mới phương thức quản lý, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích, bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2018. Định hướng phát triển đa lĩnh vực, đa ngành nghề; trong đó, tập trung chủ yếu cho hoạt động cung ứng dịch



Báo cáo Hội đồng quản trị

vụ công ích truyền thống, mở rộng hoạt động kinh doanh chuyên ngành xây dựng dân dụng và các dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

- Xây dựng Quy chế quản lý nội bộ để xác định rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của từng vị trí công tác; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận chuyên môn (Phòng, Đội, Xí nghiệp...); quy định quy trình phối hợp công tác hợp lý, yêu cầu về chất lượng và trách nhiệm xử lý công việc chung rõ ràng, cụ thể; bảo đảm đồng bộ, kịp thời và hiệu quả.

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá và thực hiện đánh giá hàng năm đối với kết quả hoạt động của tất cả thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người quản lý, điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm.

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động 2017 và phương hướng kế hoạch năm 2018, xin báo cáo và đề nghị Quý vị cổ đông xem xét thông qua. Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến quý cổ đông, quý khách hàng, các Chủ đầu tư cùng tập thể CBNV và người lao động trong doanh nghiệp đã tin tưởng, gắn bó với Công ty trong những năm vừa qua. Chúng tôi cũng tin tưởng rằng với sự năng động, tích cực của Ban điều hành, của các cấp lãnh đạo trong Công ty, chúng ta sẽ tiếp tục hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra cho năm 2018. Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng ./.



NGUYỄN NGỌC TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358, Fax: (0275) 3817 770,

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 02/BC-BKS

Bến Tre, ngày 07 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Kính thưa: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp,

Thay mặt Ban kiểm soát, kính trình báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con.

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực Kế toán Việt nam.

- Kiểm tra, thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính định kỳ Quý/Năm do Ban Tổng Giám Đốc cung cấp. Từ đó, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ, quản lý tài sản và trích lập các khoản dự phòng theo quy định.

- Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

- Năm 2017, Ban kiểm soát kết hợp với Ban kiểm tra dịch vụ công ích đã thực hiện 28 cuộc kiểm tra định kỳ/đột xuất tại các đội chuyên quản thực hiện dịch vụ công ích và cùng Xí nghiệp Liên Hợp thẩm định, kiểm tra, giám sát quá trình sửa chữa thường xuyên phương tiện vận tải.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty. Từ đó, phân tích môi trường hoạt động, phát hiện những rủi ro tiềm ẩn để kiến nghị Ban Tổng Giám Đốc các giải pháp phòng ngừa và chủ động kiểm soát.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào của cổ đông có liên quan đến Công ty

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp nội bộ Ban kiểm soát. Tại các cuộc họp định kỳ,

bất thường của Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát được mời tham dự nhằm theo dõi diễn biến cuộc họp, nắm bắt tình hình định hướng hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo cho công tác giám sát theo sát tình hình thực tế đang diễn ra tại Công ty.

3. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017:

- Thành viên Ban kiểm soát : 2 người x 4.500.000 đ x12 tháng = 108.000.000 đ
- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 108.000.000 đồng, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017:

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre năm tài chính 2017 và thống nhất với Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt: Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31/12/2017 và được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành (không có yếu tố ngoại trừ).

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
Tổng tài sản	53.735.958.046	57.480.311.195
Tài sản ngắn hạn	42.767.556.143	47.157.472.881
Tài sản dài hạn	10.968.401.903	10.322.838.314
Tổng nguồn vốn	53.735.958.046	57.480.311.195
Nợ ngắn hạn	11.910.033.325	12.231.346.635
Nợ dài hạn		1.814.545.455
Vốn chủ sở hữu	41.505.241.490	43.148.094.787
Vốn khác	320.683.231	286.324.318

II. NHẬN XÉT HOẠT ĐỘNG HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2017

HĐQT đã triển khai thực hiện 5 cuộc họp, ban hành 17 Nghị quyết, Quyết định nhằm chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017. Các cuộc họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo qui định, đủ các thành viên HĐQT tham gia hoặc được ủy quyền, trong cuộc họp các nội dung đều đạt sự đồng thuận cao.

Căn cứ chủ trương, định hướng của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc đã lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời các Phòng ban, Đội chuyên quản, Xí nghiệp trong thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban TGD tuân thủ các chính sách, chế độ, quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Trong quản lý nguồn nhân lực, Ban Tổng Giám Đốc ra quyết định đề bạt bổ nhiệm cán bộ quản lý kịp thời, từng bước phù hợp với năng lực sở trường trình độ chuyên môn tại các Phòng, Đội, Xí nghiệp, đồng thời khích lệ tinh thần vật chất để góp phần cho Công ty phát triển bền vững, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.



III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2017:

Năm 2017, Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám, đồng thời khi có yêu cầu cung cấp cũng nhận được các hồ sơ, tài liệu văn bản chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm để phối hợp, để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, từ đó tham gia ý kiến về các chủ trương chính sách của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc, góp phần thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đề ra, Ban Kiểm soát có kiến nghị như sau:

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự cho phù hợp hơn nữa đối với sự phát triển trong tương lai của Công ty.

- Có kế hoạch cụ thể hơn trong công tác triển khai sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, gia tăng các dự án thi công. Đồng thời khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy truyền thống đề xuất sáng kiến mới trong kinh doanh.

- Rà soát các quy chế, định mức kinh tế kỹ thuật kịp thời bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. Trong đó chú trọng: công tác kiểm soát vật tư các công trình, giải pháp thu hồi công nợ để đảm bảo luân chuyển dòng tiền hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết về tài chính, cân đối giữa nguồn vốn vay và vốn tự có, trong trường hợp được chỉ định thi công những công trình công ty ứng vốn thi công trước.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:

Tham dự các cuộc họp giao ban của công ty, các cuộc họp của HĐQT;

Giám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, thực hiện điều lệ Công ty;

Kiểm tra việc thực hiện chấp hành các quy định, quy chế đã ban hành; Phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu;

Kiểm tra Báo cáo tài chính quý, năm 2018; tình hình sử dụng vốn và bảo toàn vốn của Công ty;

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2017 kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018.

Trân trọng kính chào.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRỊNH VĂN ĐÀU



Số: 14/TTr-HĐQT

Bến Tre, ngày 7 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre: điểm a khoản 1 Điều 21 quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty;
- Căn cứ Kết quả biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 – năm 2018 (lấy ý kiến bằng văn bản) ngày 11 tháng 5 năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ngày 20/03/2018 như sau:

- Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 (bản tóm tắt) được đính kèm Tài liệu đại hội.
- Toàn văn Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 được đăng tải tại website công ty: www.congtrinhdothibentre.vn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua,

Xin chân thành cảm ơn ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN NGỌC TRIỆU

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre sau đây gọi tắt là "Công ty", tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 (số cũ 5504000011) đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 03 năm 2010. Theo quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 01 năm 2015 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần và thay đổi lần 4 ngày 25 tháng 05 năm 2016.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp bổ sung Giấy CNĐKKD lần 4 ngày 25/05/2016, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Ngọc Triệu. Ngày 12/06/2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bổ sung ngành nghề kinh doanh).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là BTU.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
Điện thoại : +84 (275) 3826 358
Fax : +84 (275) 3817 770
Mã số thuế : 13 0 0 1 1 3 0 9 1

• Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
01	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Số 26 đường Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	100%	100%	100%

3. Ngành nghề hoạt động

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nito;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà dân dụng;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	23/1/2015	-
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên	23/1/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	23/1/2015	03/6/2017
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	23/1/2015	-
Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên	26/6/2015	-
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	03/6/2017	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban	27/04/2016	-
Ông Phạm An Huy	Thành viên	27/04/2016	-
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	27/04/2016	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	01/07/2015	-
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Phó Tổng giám đốc	01/02/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Phó Tổng giám đốc	15/10/2016	-
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	15/10/2016	-

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Ngọc Triệu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Theo Giấy ủy quyền số 16/GUQ-CTĐT ngày 01 tháng 06 năm 2016, Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị để trực tiếp điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty (theo điều lệ Công ty và nội dung quy định cụ thể tại Điều 5, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty); trừ nội dung công việc đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 29.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục Hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, kiểm toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN NGỌC TRIỆU
Chủ tịch

Bến Tre, ngày 19 tháng 03 năm 2018.



Số: 2089/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2018 (từ trang 08 đến trang 29), bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



(Handwritten signature)

Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2141-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.219.771.761	42.767.556.143
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	12.391.678.861	9.620.207.987
111	1. Tiền		2.072.464.772	1.334.536.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.319.214.089	8.285.671.699
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		511.096.263	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		511.096.263	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.058.188.871	26.554.419.789
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	28.110.792.320	27.638.970.789
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	529.316.131	497.368.580
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.4	(1.581.919.580)	(1.581.919.580)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	3.701.761.919	6.291.523.161
141	1. Hàng tồn kho		3.701.761.919	6.291.523.161
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		557.045.847	301.405.206
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	132.516.601	301.187.436
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		424.529.246	217.770
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		12.748.731.986	10.968.401.903
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		6.681.764.056	7.860.353.932
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	6.681.764.056	7.860.353.932
222	- Nguyên giá		19.663.327.052	19.074.518.640
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.981.562.996)	(11.214.164.708)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	160.827.965
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	160.827.965
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.8	5.000.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.000.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.066.967.930	2.947.220.006
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	1.066.967.930	2.947.220.006
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		56.968.503.747	53.735.958.046

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		14.207.051.171	11.910.033.325
310	I. Nợ ngắn hạn		12.392.505.716	11.910.033.325
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	5.257.601.815	2.495.234.843
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	509.200.000	2.191.440.909
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	977.337.982	2.124.399.156
314	4. Phải trả người lao động	V.12	3.272.108.606	3.125.332.113
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	600.970.270	636.653.412
319	6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		288.645.581	36.335.753
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	1.486.641.462	1.300.637.139
330	II. Nợ dài hạn		1.814.545.455	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15	1.814.545.455	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		42.761.452.576	41.825.924.721
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	42.475.128.258	41.505.241.490
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.702.769.786	1.856.319.732
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.772.358.472	3.648.921.758
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước		48.921.758	41.920.179
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		3.723.436.714	3.607.001.579
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		286.324.318	320.683.231
431	1. Nguồn kinh phí	V.17	286.324.318	320.683.231
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		56.968.503.747	53.735.958.046

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VĂN NGHI



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		66.877.057.646	55.697.419.224
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	66.877.057.646	55.697.419.224
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	52.156.710.370	41.595.506.555
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.720.347.276	14.101.912.669
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	367.989.222	362.786.816
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	7.943.672.936	7.445.041.623
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.144.663.562	7.019.657.862
31	11. Thu nhập khác		27.652.274	3.743.750
32	12. Chi phí khác		25.856.493	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.795.781	3.743.750
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.146.459.343	7.023.401.612
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	1.503.458.981	1.452.281.961
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.643.000.362	5.571.119.651
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.5	-	1.267
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.6	-	1.267

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngày 19 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám Đốc

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VĂN NGHI

NGÔ TRUNG KIẾN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.146.459.343	7.023.401.612
	2. Điều chỉnh các khoản		2.865.787.368	1.994.003.708
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.228.608.050	2.244.508.900
03	- Các khoản dự phòng		-	112.281.624
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		637.179.318	(362.786.816)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.012.246.711	9.017.405.320
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(928.080.558)	(6.324.048.855)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.589.761.242	(5.711.472.720)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		1.008.864.195	1.687.620.956
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.048.922.911	2.329.892.675
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.251.734.021)	(2.432.672.411)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(887.109.271)	(1.263.773.924)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		11.592.871.209	(2.697.048.959)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.865.876.455)	(1.777.796.410)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.734.868.275)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17.223.772.012	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		339.506.928	362.786.816
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.037.465.790)	(1.415.009.594)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.814.545.455	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.598.480.000)	(2.926.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.783.934.545)	(2.926.800.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		2.771.470.874	(7.038.858.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.620.207.987	16.659.066.540
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	12.391.678.861	9.620.207.987

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VĂN NGHI

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

NGÔ TRUNG KIẾN



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 28



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và 01 Công ty con.

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre sau đây gọi tắt là "Công ty", tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 (số cũ 5504000011) đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 03 năm 2010. Theo quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 01 năm 2015 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần và thay đổi lần 4 ngày 25 tháng 05 năm 2016.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp bổ sung Giấy CNĐKKD lần 4 ngày 25/05/2016, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Ngọc Triệu. Ngày 12/06/2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là BTU.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
Điện thoại : +84 (275) 3826 358
Fax : +84 (275) 3817 770
Mã số thuế : 1300113091

Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
01	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Số 26 đường Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	100%	100%	100%

3. Ngành nghề hoạt động

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;

12012
ÔNG T
NHƯM H
ĐOÀN VÀ
QUẢN V
TP. HỒ

- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.



4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	23/1/2015	-
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên	23/1/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	23/1/2015	03/6/2017
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	23/1/2015	-
Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên	26/6/2015	-
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	03/6/2017	-

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Văn Đầu	Trưởng ban	27/04/2016	-
Ông Phạm An Huy	Thành viên	27/04/2016	-
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	27/04/2016	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	01/07/2015	-
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Phó Tổng giám đốc	01/02/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Phó Tổng giám đốc	15/10/2016	-
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	15/10/2016	-

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Ngọc Triệu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Theo Giấy ủy quyền số 16/GUQ-CTĐT ngày 01 tháng 06 năm 2016, Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị để trực tiếp điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty (theo điều lệ Công ty và nội dung quy định cụ thể tại Điều 5, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty); trừ nội dung công việc đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 28.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp

nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, kiểm toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN NGỌC TRIỆU

Chủ tịch

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Trụ sở văn phòng: 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Tel: +84 (28) 3999 00 91-97

Fax: +84 (28) 3999 00 90

Email: contact@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



REANDA

Số: 2095/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trang 08 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.157.472.881	42.767.556.143
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	14.005.902.427	9.620.207.987
111	1. Tiền		2.141.769.043	1.334.536.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.864.133.384	8.285.671.699
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		511.096.263	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		511.096.263	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.913.181.257	26.554.419.789
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	28.869.920.921	27.638.970.789
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		73.373.300	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	551.806.616	497.368.580
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.4	(1.581.919.580)	(1.581.919.580)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	4.169.068.132	6.291.523.161
141	1. Hàng tồn kho		4.169.068.132	6.291.523.161
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		558.224.802	301.405.206
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	133.695.556	301.187.436
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	424.529.246	217.770
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		10.322.838.314	10.968.401.903
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		9.071.394.434	7.860.353.932
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	9.071.394.434	7.860.353.932
222	- Nguyên giá		22.681.009.829	19.074.518.640
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.609.615.395)	(11.214.164.708)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	160.827.965
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	160.827.965
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	1.251.443.880	2.947.220.006
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.251.443.880	2.947.220.006
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		57.480.311.195	53.735.958.046

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		14.045.892.090	11.910.033.325
310	I. Nợ ngắn hạn		12.231.346.635	11.910.033.325
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	3.914.825.922	2.495.234.843
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9	649.200.000	2.191.440.909
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	1.100.696.704	2.124.399.156
314	4. Phải trả người lao động	V.11	3.752.497.227	3.125.332.113
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	833.833.681	636.653.412
319	6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		294.010.487	36.335.753
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.13	1.686.282.614	1.300.637.139
330	II. Nợ dài hạn		1.814.545.455	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14	1.814.545.455	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		43.434.419.105	41.825.924.721
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	43.148.094.787	41.505.241.490
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.833.660.938	1.856.319.732
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.314.433.849	3.648.921.758
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước		48.921.758	41.920.179
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		4.265.512.091	3.607.001.579
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		286.324.318	320.683.231
431	1. Nguồn kinh phí	V.16	286.324.318	320.683.231
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		57.480.311.195	53.735.958.046

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VĂN NGHI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.237.218.944	7.023.401.612
	2. Điều chỉnh các khoản		3.443.393.241	1.994.003.708
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.856.660.449	2.244.508.900
03	- Các khoản dự phòng		-	112.281.624
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		586.732.792	(362.786.816)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.680.612.185	9.017.405.320
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.783.072.944)	(6.324.048.855)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.122.455.029	(5.711.472.720)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		579.912.042	1.687.620.956
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.863.268.006	2.329.892.675
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.401.734.021)	(2.432.672.411)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(887.109.271)	(1.263.773.924)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.174.331.026	(2.697.048.959)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.883.559.232)	(1.777.796.410)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.740.395.506)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.229.299.243	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		389.953.454	362.786.816
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.004.702.041)	(1.415.009.594)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.814.545.455	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.598.480.000)	(2.926.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.783.934.545)	(2.926.800.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		4.385.694.440	(7.038.858.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.620.207.987	16.659.066.540
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	14.005.902.427	9.620.207.987

Người lập biểu,

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VĂN NGHI

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính





CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770

Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 14/BC-HĐQT

Bến Tre, ngày 17 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về những vấn đề khác tại Đại hội thường niên năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Ngày 22/5/2017, Hội đồng quản trị Công ty có Báo cáo số 18/BC-HĐQT: Về Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về những vấn đề khác tại Đại hội thường niên năm 2016; trong đó có nội dung tiếp tục liên hệ để tham gia đầu tư Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội tại cơ sở 2, Trường Cao đẳng, xã Sơn Đông, Tp Bến Tre, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành là: 99,2479% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Hội đồng quản trị xin báo cáo kết quả đã thực hiện trong năm 2017 như sau:

Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội tại cơ sở 2, Trường Cao đẳng, xã Sơn Đông, Tp Bến Tre: Ngày 28/11/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có Công văn số 5491/UBND-TCĐT: V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở tại địa điểm nêu trên với dữ liệu sơ bộ như sau:

- Quy mô dự án: Thuộc nhóm B với tổng diện tích sử dụng đất 3,98 ha; (trong đó: đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật = 35% và đất xây dựng nhà ở = 65%);
- Đầu tư xây dựng 03 blok nhà ở XH (quy mô 04 tầng, 12.000m²/200 căn hộ);
- Tổng mức đầu tư (tạm tính): 170 tỷ đồng
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2018 – 2022.
- Hình thức giao đất để đầu tư (thông qua phương thức đấu thầu dự án để lựa chọn Nhà đầu tư);

Đề nghị cho chủ trương tiếp tục nghiên cứu và liên hệ với Chủ đầu tư để được tham gia đầu tư dự án.

Trên đây là kết quả thực hiện nội dung công việc khác được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua. Xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Xin chân thành cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN NGỌC TRIỆU



Số: 45 /TTr- HĐQT

Bến Tre, ngày 07 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 03/6/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

Căn cứ Kết quả biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 – năm 2018 (lấy ý kiến bằng văn bản) ngày 11 tháng 5 năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	KH 2017	Kết quả thực hiện	KH 2018
1	Vốn điều lệ	36.000	36.000,00	36.000,00
2	Tổng doanh thu	57.000	69.249,90	70.000,00
	Trong đó : Doanh thu Tài chính, doanh thu khác	200	491,86	200,00
3	Lợi nhuận trước thuế	7.125	8.237,22	8.365,00
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	5.653	6.515,61	6.633,44
5	Trích lập các quỹ	1.978	2.250,09	2.308,79
	- Quỹ Đầu tư phát triển (15% LNST)	848	977,34	995,02
	- Quỹ Khen thưởng phúc lợi (15% LNST)	848	977,34	995,02
	- Quỹ thưởng NQL chuyên trách (*)	282	295,41	318,76
6	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	3.675	4.265,52	4.324,65
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức /(VDL) (%)	10,21	11,85	12,01
8	Chi cổ tức/(VDL) (%)	10,34	10,50	11,00
9	Lợi nhuận giữ lại chưa chia cổ tức (%)		1,35	1,01

(*) Quỹ thưởng NQL chuyên trách được trích bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN NGỌC TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
 ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770
 Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 40 /TT- HĐQT

Bến Tre, ngày 07 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Căn cứ Kết quả biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 – năm 2018 (lấy ý kiến bằng văn bản) ngày 11 tháng 5 năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2017 như sau:

Thù Lao HĐQT, thư ký:

- Thành viên HĐQT : 1 người x 5.000.000đ x 12 tháng = 60.000.000 đ
- Thành viên HĐQT : 1 người x 5.000.000đ x 7 tháng = 35.000.000 đ
- Thư ký HĐQT : 1 người x 2.700.000đ x 12 tháng = 32.400.000 đ
- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017 : 127.400.000 đồng, bằng 100 % mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Thù lao BKS:

- Thành viên Ban kiểm soát : 2 người x 4.500.000 đ x 12 tháng = 108.000.000 đ
- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 108.000.000 đồng, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.
- Tổng số tiền thù lao HĐQT, BKS và thư ký đã chi năm 2017 : 235.400.000 đồng, bằng 100% mức duyệt chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

2. Kế hoạch Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký năm 2018 như sau:

Tổng số tiền thù lao năm 2018:

292.800.000 đồng

Trong đó :

- Thành viên HĐQT : 2 người x 6.000.000đ x 12 tháng = 144.000.000 đ
- Thư ký HĐQT : 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000 đ
- Thành viên Ban kiểm soát : 2 người x 4.700.000 đ x 12 tháng = 112.800.000 đ

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Xin chân thành cảm ơn ./.



NGUYỄN NGỌC TRIỆU



Số : 01/TTr-BKS

Bến Tre, ngày 07 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Căn cứ Kết quả biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 – năm 2018 (lấy ý kiến bằng văn bản) ngày 11 tháng 5 năm 2018.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 đạt hiệu quả cao nhất. Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty với tiêu chuẩn như sau:

- Đơn vị kiểm toán phải có trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp là công ty đại chúng và trong 3 công ty sau:
 - o Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
 - o Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
 - o Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam
- Đơn vị kiểm toán phải là đơn vị có uy tín, chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ tốt, tính chính xác cao trong ngành tư vấn kiểm toán và chi phí hợp lý.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua,

Xin chân thành cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRỊNH VĂN ĐẤU



Số 17/TT-HDQT

Bến Tre, ngày 07 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty (Lần 3)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị, điều hành.

Nội dung chi tiết Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này và Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, được đăng tại địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty www.congtrinhdothibentre.vn. Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN NGỌC TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (075) 3826 358 Fax: (075) 3817 770 Website: www.congtrinhdothibentre.vn

PHỤ LỤC

(kèm theo Tờ trình số 17/TTr-HĐQT)

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
1.	PHẦN MỞ ĐẦU Chúng tôi là cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre, gồm có: 1. Ông Nguyễn Ngọc Triệu - CMND số: 320673704 - Ngày tháng năm sinh: 28/04/1964 - Địa chỉ thường trú: số 01K, Khu phố 3, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre 2. Ông Ngô Trung Kiên - CMND số: 320026666 - Ngày tháng năm sinh: 25/08/1962 - Địa chỉ thường trú: số 192A, Khu phố Bình Khởi, Phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre 3. Ông Nguyễn Tấn Vũ - CMND số: 320944037 - Ngày tháng năm sinh: 09/02/1978	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được thông qua theo quyết định số /NQ-BHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày ... tháng ... năm 2018.	<i>Không quy định về các Cổ đông sáng lập</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	- Địa chỉ thường trú: số 63, ấp 2, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thành lập tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 04 năm 2016.		
2.	Điểm a, Khoản 1, Điều 1: "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành, các cổ đông đã thanh toán đủ và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	Điểm a, Khoản 1, Điều 1: "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	<i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 111 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
3.	Chưa quy định	Điểm c, Khoản 1, Điều 1: "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	<i>Bổ sung tham chiếu luật</i>
4.	Điểm d, Khoản 1, Điều 1: "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	Điểm e, Khoản 1, Điều 1: "Người điều hành doanh nghiệp" là Người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch HĐQT), Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Điều 2, ND 71/2017/ND-CP</i>
5.	Điểm e, Khoản 1, Điều 1: "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo tiêu chuẩn của các Luật hiện hành;	Điểm g, Khoản 1, Điều 1: "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	<i>Sửa đổi theo quy định của Khoản 9 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
6.	Chưa quy định	Điểm h, Khoản 1, Điều 1: "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	<i>Bổ sung theo quy định của Khoản 3, Điều 2, ND 71/2017/ND-CP</i>
7.	Điểm f, Khoản 1, Điều 1: "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;	Điểm i, Khoản 1, Điều 1: "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	
8.	Khoản 6, Điều 2: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 48, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Khoản 5, Điều 2: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn	<i>Sửa đổi tham chiếu</i>
9.	Khoản 1, Điều 4 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Khoản 1, Điều 5 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm a, Khoản 1, Điều 33 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
10.	Khoản 2, Điều 4 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong	Khoản 2, Điều 5 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1, Điều 7 Luật doanh</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý																																								
	các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	nghiệp 68/2014/QH13																																								
11.	<p>Khoản 1, Điều 5</p> <table><tr><th>STT</th><th>Tên thành viên góp vốn</th><th>Tỷ lệ (%)</th><th>Số lượng cổ phần</th><th>Giá trị (đồng VND)</th></tr><tr><td>a) Cổ đông sáng lập</td><td></td><td>40,000</td><td>2.160.000</td><td>21.600.000.000</td></tr><tr><td>1</td><td>Nguyễn Ngọc Triệu (đại diện vốn nhà nước)</td><td>50,000</td><td>1.800.000</td><td>18.000.000.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Ngô Trung Kiên (đại diện vốn nhà nước)</td><td>5,000</td><td>180.000</td><td>1.800.000.000</td></tr><tr><td>3</td><td>Nguyễn Tấn Vũ (đại diện vốn nhà nước)</td><td>5,000</td><td>180.000</td><td>1.800.000.000</td></tr><tr><td>b) Vốn chủ sở hữu</td><td></td><td>40,000</td><td>1.440.000</td><td>14.000.000.000</td></tr><tr><td>1</td><td>Cổ phần ưu đãi của CNV</td><td>8,570</td><td>300.000</td><td>3.000.000.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Cổ phần bình thường</td><td>31,430</td><td>1.140.000</td><td>11.000.000.000</td></tr></table>	STT	Tên thành viên góp vốn	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng VND)	a) Cổ đông sáng lập		40,000	2.160.000	21.600.000.000	1	Nguyễn Ngọc Triệu (đại diện vốn nhà nước)	50,000	1.800.000	18.000.000.000	2	Ngô Trung Kiên (đại diện vốn nhà nước)	5,000	180.000	1.800.000.000	3	Nguyễn Tấn Vũ (đại diện vốn nhà nước)	5,000	180.000	1.800.000.000	b) Vốn chủ sở hữu		40,000	1.440.000	14.000.000.000	1	Cổ phần ưu đãi của CNV	8,570	300.000	3.000.000.000	2	Cổ phần bình thường	31,430	1.140.000	11.000.000.000	Không quy định	Cổ phiếu công ty hiện đã được đăng ký giao dịch tại Sàn Upcom; vì vậy cơ cấu cổ đông của công ty sẽ liên tục thay đổi.
STT	Tên thành viên góp vốn	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng VND)																																							
a) Cổ đông sáng lập		40,000	2.160.000	21.600.000.000																																							
1	Nguyễn Ngọc Triệu (đại diện vốn nhà nước)	50,000	1.800.000	18.000.000.000																																							
2	Ngô Trung Kiên (đại diện vốn nhà nước)	5,000	180.000	1.800.000.000																																							
3	Nguyễn Tấn Vũ (đại diện vốn nhà nước)	5,000	180.000	1.800.000.000																																							
b) Vốn chủ sở hữu		40,000	1.440.000	14.000.000.000																																							
1	Cổ phần ưu đãi của CNV	8,570	300.000	3.000.000.000																																							
2	Cổ phần bình thường	31,430	1.140.000	11.000.000.000																																							
12.	<p>Khoản 2, Điều 5</p> <p>Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	<p>Khoản 2, Điều 6</p> <p>Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	Sửa đổi phù hợp với thực tế có thể tăng vốn theo Điều 122 hoặc giảm vốn theo Khoản 2, Điều 131 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13																																								
13.	<p>Khoản 3, Điều 5</p> <p>Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 3, Điều 6</p> <p>Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh tham chiếu																																								
14.	<p>Khoản 5, Điều 5</p> <p>Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác</p>	Không quy định	Cổ đông sáng lập hết thời gian hạn chế																																								

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.		<i>chuyển nhượng theo quy định</i>
15.	Khoản 2, Điều 6 Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Khoản 2, Điều 7 Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi khái niệm về cổ phiếu công ty căn cứ Điều 120 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
16.	Khoản 1, Điều 8 Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Khoản 1, Điều 9 Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thực tế Doanh nghiệp</i>
17.	Điều 10. Thừa kế cổ phần	Không quy định	<i>Việc thừa kế cổ phần công ty được thực hiện theo Luật thừa kế</i>
18.	Điểm a, Khoản 3, Điều 12 Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 33 Điều lệ này.	Điểm a, Khoản 3, Điều 12 Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này.	<i>Sửa đổi tham chiếu</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
19.	<p>Điểm d, Khoản 3, Điều 12</p> <p>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Điểm d, Khoản 3, Điều 12</p> <p>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	Sửa đổi cho phù hợp thực tế về các giấy tờ chứng thực của cổ đông
20.	<p>Khoản 2, Điều 13</p> <p>Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 2, Điều 13</p> <p>Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; 	Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	
21.	Điểm c, Khoản 3 Điều 14 Khi số thành viên HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ	Điểm c, Khoản 3 Điều 14 Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này	<i>Căn cứ điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu thông thư 95 và phù hợp với khoản 3 Điều 135 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
22.	Điểm a, Khoản 4, Điều 14 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14.	Điểm a, Khoản 4, Điều 14 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.	<i>Bổ sung đầy đủ các trường hợp</i>
23.	Điểm o, Khoản 2, Điều 15 Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;	Không quy định	<i>Căn cứ ND 71 việc kiêm nhiệm sẽ hết hiệu lực vào năm 2020.</i>
24.	Khoản 4, Điều 16 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Khoản 4, Điều 16 Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:	<i>Bổ sung đầy đủ các trường hợp</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	(...)	(...)	
25.	<p>Khoản 1, Điều 17</p> <p>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Khoản 1, Điều 17</p> <p>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p>	Sửa đổi cho phù hợp Khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13
26.	<p>Khoản 2, Điều 18</p> <p>Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p>	<p>Khoản 2, Điều 18</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 137 và Khoản 7, Điều 136 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
27.	<p>Khoản 3, Điều 18</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi</p>	<p>Khoản 3, Điều 18</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của</p>	Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 139 Luật doanh

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>Công ty niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận. Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	<p>nghiệp 68/2014/QH13</p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
28.	<p>Khoản 4 Điều 18</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 18</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Sửa đổi phù hợp Khoản 2, Điều 138 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13
29.	<p>Khoản 2, Điều 20</p> <p>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát</p>	<p>Khoản 2, Điều 20</p> <p>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu</p>	

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó (hoặc trước khi bế mạc Đại hội). Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	
30.	Khoản 3, Điều 20 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.	Khoản 3, Điều 20 Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6, Điều 142 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
31.	Khoản 4, Điều 20 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu	Khoản 4, Điều 20 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm a, khoản 2 Điều 142 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	
32.	<p>Khoản 5, Điều 20</p> <p>Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 5, Điều 20</p> <p>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</p>
33.	<p>Khoản 6, Điều 20</p> <p>Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p>	<p>Khoản 7, Điều 20</p> <p>Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 8, Điều 142 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</p>
34.	<p>Khoản 7, Điều 20</p> <p>Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>Khoản 6, Điều 20</p> <p>Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 4, Điều 142 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
35.	<p>Khoản 9, Điều 20</p> <p>Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>(...)</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>Khoản 9, Điều 20</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>(...)</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>Có một số đối tượng khác có thể triệu tập cuộc họp như Khoản 5, Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</p>
36.	<p>Khoản 1, Điều 21</p> <p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông; hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm.</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty</p>	<p>Khoản 1, Điều 21</p> <p>Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp Căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; e. Tổ chức lại, giải thể công ty.	
37.	Khoản 2, Điều 21 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Khoản 2, Điều 21 Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.	<i>Căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</i>
38.	Khoản 3, Điều 21 Bầu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo nguyên tắc dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp,	Khoản 3, Điều 21 Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân	<i>Căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.	
39.	Khoản 1, Điều 22 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ	Khoản 1, Điều 22 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ	<i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điều 143 Luật doanh nghiệp</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp.	<p>đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 	68/2014/QH13
40.	<p>Khoản 2, Điều 22</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu</p>	<p>Khoản 2, Điều 22</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp</p> <p>68/2014/QH13</p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	
41.	<p>Điểm c, Khoản 3, Điều 22</p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.</p>	<p>Điểm c, Khoản 3, Điều 22</p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông.</p>	Sửa đổi cho phù hợp Phù hợp Khoản 3, Điều 145 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13
42.	<p>Khoản 5, Điều 22</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông</p>	<p>Khoản 6, Điều 22</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 5, Điều 145 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
43.	<p>Khoản 8, Điều 22</p> <p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng</p>	<p>Khoản 9, Điều 22</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Căn cứ khoản 4 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20.		
44.	<p>Điều 23</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 23</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp Khoản 1, Điều 146 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i></p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>đồng dự họp;</p> <p>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải</p>	

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
45.	<p>Điều 25. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p>	<p><i>Sửa lại cho phù hợp Điều 11 ND 71/2017/ND-CP</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 13 Nghị định 71</i></p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>(04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành</p>	<p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được</p>	

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p> <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p>	

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	
46.	<p>Điểm c, Khoản 3, Điều 26</p> <p>Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điểm c, Khoản 2, Điều 27</p> <p>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/NĐ-CP
47.	<p>Điểm d, Khoản 3, Điều 26</p> <p>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p>	<p>Điểm e, Khoản 2, Điều 27</p> <p>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/NĐ-CP

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		hành đó;	
48.	Điểm c, Khoản 4, Điều 26 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	Điểm c, Khoản 3, Điều 27 Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 Điều 149, Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
49.	Điểm e, Khoản 4, Điều 26 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và giá trị vượt quá 01 tỷ VND hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch đã được phê duyệt;	Điểm f, Khoản 3, Điều 27 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 03 tỷ VND hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	<i>Sửa lại cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty</i>
50.	Điểm i, Khoản 4, Điều 26 Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;	Điểm i, Khoản 3, Điều 27 Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;	<i>Sửa lại cho phù hợp với Điểm a, Khoản 1, Điều 37 ND58-2012</i>
51.	Khoản 5, Điều 26 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.	Khoản 4, Điều 27 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp	<i>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/NĐ-CP</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	
52.	Khoản 6, Điều 26 Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	Khoản 5, Điều 27 Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP</i>
53.	Khoản 4, Điều 27 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Khoản 4, Điều 29 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 152 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
54.	Điểm a, Khoản 3, Điều 28 Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác.	Điểm b, Khoản 3, Điều 30 Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý doanh nghiệp khác.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 153 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
55.	Khoản 4, Điều 28 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm	Khoản 4, Điều 30 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách	<i>Căn cứ khoản 5 Điều 153 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
56.	<p>Khoản 7, Điều 28</p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Khoản 7, Điều 30</p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 153 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
57.	<p>Khoản 7, Điều 28</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ</p>	<p>Khoản 8, Điều 30</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ</p>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 10 Điều 153 Luật</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p><i>doanh nghiệp</i> 68/2014/QH13</p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 153 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i></p>
58.	<p>Khoản 9, Điều 28 Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>Khoản 11, Điều 30 Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó</p>	

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 36 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	
59.	<p>Khoản 12, Điều 28</p> <p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>(...)</p>	<p>Khoản 9, Điều 30</p> <p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>(...)</p>	Sửa đổi phù hợp Điểm c Khoản 9 Điều 153 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13
60.	Điều 30. Cán bộ quản lý	Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp	Sửa đổi cho phù hợp

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.</p>	<p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP
61.	<p>Khoản 1, Điều 31</p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Khoản 1, Điều 34</p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 3, Điều 158 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
62.	<p>Khoản 2, Điều 31</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là ba (03)</p>	<p>Khoản 2, Điều 34</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05)</p>	<i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 157 Luật</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	doanh nghiệp 68/2014/QH13
63.	Khoản 5, Điều 31 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.	Khoản 5, Điều 34 Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.	
64.	Khoản 1, Điều 33 Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới	Khoản 1, 3 Điều 36 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP Căn cứ Điều 163 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	
65.	<p>Khoản 2 Điều 33</p> <p>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>Khoản 1, 2 Điều 35</p> <p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p><i>Căn cứ Điều 19 ND 71/2017/ND-CP</i></p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
66.	<p>Khoản 4, Điều 33</p> <p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.</p>	<p>Khoản 2, Điều 36</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p><i>Căn cứ điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</i></p> <p><i>Căn cứ Khoản 2, Điều 20 ND 71/2017/ND-CP</i></p>
67.	<p>Khoản 5, Điều 33</p> <p>Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những</p>	<p>Khoản 4, 5 Điều 36</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 169 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i></p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Kiểm soát viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
68.	<p>Khoản 1, Điều 34</p> <p>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc</p>	<p>Khoản 1, Điều 37</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP</i></p> <p><i>Căn cứ Điều 165 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i></p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>đồng quản trị, Tổng Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
69.	Chưa quy định	<p>Khoản 1, Điều 39</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 159 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i></p> <p><i>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP</i></p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
70.	<p>Khoản 3, Điều 36</p> <p>Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận</p>	<p>Khoản 4, Điều 39</p> <p>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP</p>
71.	<p>Khoản 1, Điều 38</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 33 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Khoản 1, Điều 41</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Sửa đổi thêm chiếu</p>
72.	Khoản 2, Điều 40	Đề xuất bỏ vì Nghị định 71 đã bỏ mục này so với	<i>Nghị định 71 đã bỏ mục</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.	Thông tư 121	<i>này so với Thông tư 121</i>
73.	Khoản 2, Điều 46 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản 2, Điều 49 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
74.	Khoản 1, Điều 48 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Khoản 1, Điều 51 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	<i>Sửa đổi phù hợp điều 201 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>
75.	Chưa quy định	Điều 52. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết	<i>Sửa phù hợp điều 144 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
		<p>về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	
76.	<p>Khoản 3, Điều 49</p> <p>Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>đ. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Khoản 3, Điều 53</p> <p>Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Khoản 6 Điều 202 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13</i></p>
77.	<p>Điểm b, Khoản 1, Điều 50</p> <p>Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.</p>	<p>Điểm b, Khoản 1, Điều 54</p> <p>Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.</p>	<p><i>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 2 ND 71/2017/ND-CP</i></p>

STT	Điều lệ Công ty năm 2017	Sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE



Bến Tre, ngày ... tháng năm 2018



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ-----	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ -----	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY-----	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty -----	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty -----	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ----	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty-----	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty-----	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN -----	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần-----	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu-----	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác -----	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần -----	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần -----	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT -----	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát -----	10
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG-----	10
Điều 12. Quyền của cổ đông-----	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông-----	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông -----	12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông -----	13
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền-----	14
Điều 17. Thay đổi các quyền -----	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông-----	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông -----	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông -----	17
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông -----	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông -----	20
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông -----	23
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị -----	23



Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị -----	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị -----	25
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị -----	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị -----	27
Điều 31. Thư ký công ty -----	30
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC -----	30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý -----	30
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp -----	30
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc -----	31
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT -----	32
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên -----	32
Điều 36. Kiểm soát viên -----	32
Điều 37. Ban kiểm soát -----	33
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC -----	34
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng -----	34
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi -----	34
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường -----	35
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY -----	36
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ -----	36
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN -----	36
Điều 42. Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội và Công nhân viên: -----	36
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN -----	37
Điều 43. Phân phối lợi nhuận -----	37
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN -----	37
Điều 44. Tài khoản ngân hàng -----	37
Điều 45. Năm tài chính -----	37
Điều 46. Chế độ kế toán -----	38
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN -----	38
Điều 47. Báo cáo tài chính năm -----	38
Điều 48. Báo cáo thường niên -----	38
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY -----	38
Điều 49. Kiểm toán -----	38
CHƯƠNG XVII. CON DẤU -----	39
Điều 50. Con dấu -----	39



CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	39
Điều 51. Chấm dứt hoạt động	39
Điều 52. Gia hạn hoạt động	39
Điều 53. Thanh lý	39
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	40
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 55. Điều lệ công ty	41
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 56. Ngày hiệu lực	41



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông số - NQĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2018.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là người đại diện pháp luật (Chủ tịch HĐQT), Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 - f. "Cổ đông" là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty.
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - k. "Kiểm soát viên" là thành viên Ban kiểm soát.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.



CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Ben Tre Urban Project joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
- Tên Công ty viết tắt: BENTREPCO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 26, đường Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: (0275) 3826358
- Fax: (0275) 3817 770
- E-mail: ctdt_bt@yahoo.com
- Website: www.congtrinhdothibentre.vn.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- a. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã



được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh.
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Thu gom rác thải không độc hại
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
- Tái chế phế liệu phi kim loại . Chi tiết: Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác
- Xây dựng nhà dân dụng
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trụ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn hoa và cây
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện



- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan; chi tiết: Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

Lĩnh vực kinh doanh của công ty có thể mở rộng thêm do Đại hội cổ đông quyết định trong khuôn khổ và ngành nghề được pháp luật cho phép.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước..

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 36.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ đồng chẵn).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.



5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
 - Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.



2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
- j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;



- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.



2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người



đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại



đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;



- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba **(03) ngày** làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu **(06) tháng** theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi **(30) phút** kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi **(30) ngày** kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi **(30) phút** kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi **(20) ngày** kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.



2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó (hoặc trước khi bế mạc Đại hội). Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;



- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
- 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo



số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;



- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;



- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.



3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;



- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;



- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;



- p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 03 tỷ VND hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.



2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.



3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý doanh nghiệp khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;



- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

- 10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.



13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.



2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;



- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền kề trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:



- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.



CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng



quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.



CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội và Công nhân viên:

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công Đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ. Điều lệ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình sản xuất – kinh doanh của Công ty.
3. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
4. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức chính trị - xã hội theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.



CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.



Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.



Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên



do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.



CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 56 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhất trí thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770 Website: www.congtrinhdothibentre.vn

Số: 18 /TTr-HDQT

Bến Tre, ngày 07 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Thực hiện quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nội dung chi tiết Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được đính kèm Tờ trình này và Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, được đăng tại địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty www.congtrinhdothibentre.vn. Quy chế quản trị Công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!



NGUYỄN NGỌC TRIỆU

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần 3, ngày 19/6/2018).

MỤC LỤC

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	5
Điều 2.	Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
Điều 3.	Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4.	Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 5.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 6.	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 7.	Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 8.	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 9.	Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 10.	Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	13
Điều 11.	Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	14
Điều 12.	Cách thức bỏ phiếu bầu cử	15
Điều 13.	Cách thức kiểm phiếu	16
Điều 14.	Thông báo kết quả kiểm phiếu	16
Điều 15.	Cách thức phân phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16.	Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17.	Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18.	Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	18
Điều 19.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	18
Điều 20.	Báo cáo tình hình quản trị công ty	19
Điều 21.	Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20
Điều 22.	Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau: Tổ chức lại, giải thể công ty.	19
Điều 23.	Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19
Điều 24.	Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	22
Điều 25.	Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT	22
Điều 26.	Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT	23
Điều 27.	Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT	23
Điều 28.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	24
Điều 29.	Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT	24
Điều 30.	Cách thức bầu thành viên HĐQT	25
Điều 31.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	25
Điều 32.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	25
Điều 33.	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	25
Điều 34.	Cuộc họp HĐQT	26
Điều 35.	Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	27
Điều 36.	Thành phần Ban Kiểm soát	30
Điều 37.	Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên	31
Điều 38.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 39.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	31
Điều 40.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	32
Điều 41.	Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	32
Điều 42.	Cách thức bầu Kiểm soát viên	32
Điều 43.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	32
Điều 44.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	33

Điều 45.	Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát -----	33
Điều 46.	Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát -----	33
Điều 47.	Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp-----	34
Điều 48.	Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp-----	34
Điều 49.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp -----	35
Điều 50.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	35
Điều 51.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp-----	35
Điều 52.	Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc -----	35
Điều 53.	Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	36
Điều 54.	Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc -----	36
Điều 55.	Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	36
Điều 56.	Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	37
Điều 57.	Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc -----	37
Điều 58.	Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	37
Điều 59.	Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên-----	38
Điều 60.	Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.-----	41
Điều 61.	Khen thưởng -----	41
Điều 62.	Kỷ luật -----	42
Điều 63.	Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty -----	42
Điều 64.	Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	42
Điều 65.	Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty -----	43
Điều 66.	Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	43
Điều 67.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty -----	43
Điều 68.	Công bố thông tin của công ty-----	43
Điều 69.	Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty -----	44
Điều 70.	Ngày hiệu lực -----	44

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức - hoạt động Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 19/6/2018).

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
2. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
5. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
6. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
7. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các người điều hành doanh nghiệp khác;
8. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
9. Quy định về chế độ báo cáo và công bố thông tin

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :
 - a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
 - b. “Công ty”: là Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre.
 - c. “HĐQT” : là Hội đồng quản trị.
 - d. “BKS” : là Ban Kiểm soát.
 - e. “VSD” : là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
 - f. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ở từng thời điểm.

g. “Ứng cử” : là tự đề cử.

h. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty.

i. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng cổ đông Công ty.

j. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

k. “Người quản lý doanh nghiệp”: là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc công ty.

l. “Người điều hành doanh nghiệp”: là người đại diện pháp luật (Chủ tịch HĐQT), Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

m. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

n. “Ban lãnh đạo” : là Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng GD.

o. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền hợp lệ).

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II - QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: (Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty).

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền

thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông: *(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 4 Điều 20 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

f. Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 04 Thành viên.

g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, do Đoàn Chủ tọa giới thiệu tại Đại hội.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: (Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: (Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:

a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:

+ Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).

- Các tài liệu kèm theo như sau:

. Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

. Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).

- Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập).

- Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập);

- Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập).

- Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp);

- Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp).

+ Tài liệu liên quan khác (nếu có).

b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế

thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

e. Trường hợp Công ty ủy quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: *(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty).*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: (Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 20 Điều lệ công ty).

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một

người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện;

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

d. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó; Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó (hoặc trước khi bế mạc ĐH). Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông: (Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ công ty).

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Số lượng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - i. Báo cáo tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - o. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính (đã kiểm toán) kỳ gần nhất;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính (đã kiểm toán) kỳ gần nhất;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội: (Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông).

1. Nguyên tắc chung
 - a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
 - b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi

đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

➔ **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức (viết tắt BTC) phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. *Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.*

➔ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

➔ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

➔ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết: *(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông).*

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: *(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông).*

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - . Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
 - . Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - . Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

. Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu: *(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông).*

- Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu: *(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông).*

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông: *(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13).*

1. Cổ đông biểu quyết không tán thành nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: *(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty).*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Chữ ký của chủ tọa và Thư ký.

k. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong bằng tiếng Việt và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ **hoặc** gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và các tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: *(Căn cứ quy định tại Điều 21, Điều 23 Điều lệ công ty).*

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ

ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên: (Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. *Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;*
- b. *Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;*
- c. *Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);*
- d. *Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp;*
- e. *Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);*
- f. *Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;*
- g. *Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;*
- h. *Các kế hoạch trong tương lai.*

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên: (Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. *Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;*
- b. *Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;*
- c. *Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;*
- d. *Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;*

- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty: (Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Báo cáo tình hình quản trị công ty có thể lập riêng hoặc được thể hiện thành một phần trong Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: (Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau: **Tổ chức lại, giải thể công ty.**

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: (Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích lấy ý kiến;
- + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- + Phương án bầu cử (nếu có);
- + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 - b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
- a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - i. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.
 - ii. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
 - b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG III – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT : (Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.
 - b. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - i. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - ii. Có đơn từ chức;
 - iii. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - iv. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - v. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - vi. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - vii. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT : (Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ cho HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT : (Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

HQĐT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

- 1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
- 2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- 3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
- 4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
- 6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT : (Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

- 1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
- 2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.

3. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty : (Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT : (Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty)

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT: (Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT : (Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành Thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 34. Cuộc họp HĐQT: (Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT
 - a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - b. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.
 - c. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - d. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên không điều hành có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Quy định về cuộc họp đầu tiên
 - a. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty.
3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - i. Ban kiểm soát;
 - ii. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý doanh nghiệp khác;
 - iii. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - iv. Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.
- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- e. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT: (Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp);
 - a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên dự họp;
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty;

- c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
- d. Địa điểm họp: Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;
- c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác không phải thành viên HĐQT dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền họp lệ trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, thì phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b, Khoản 5, Điều 39 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT để thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên;
 - f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:
- a. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định;
 - b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
5. Ghi biên bản họp HĐQT:
- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- viii. Các vấn đề đã được thông qua;
- ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;
- c. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát: *(Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 36 Điều lệ công ty)*

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền kề trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên : (Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: (Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2 - Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên : (Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền kề trước đó.
2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
 3. Trường Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty : (Căn cứ quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên: (Căn cứ quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty): Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên: (Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên : (Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 46. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát : (Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 37 Điều lệ công ty)

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với hoạt động và sự phát triển của Công ty;
2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty;

3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG V - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 47. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp : *(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)*

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực dự kiến phân công phụ trách;
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng
 - a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên
 - d. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - e. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm cán bộ quản lý khác như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp : *(Căn cứ quy định tại Điều 33 và Khoản 1, 2 Điều 34 và Điều lệ công ty)*

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:
 - a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty;

- b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá **(05) năm** và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:
 - a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức;
 - b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định; hợp đồng lao động với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp: *(Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ công ty)*

- a. Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ công ty. Chủ tịch hoặc 01 thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.
- b. HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp : *(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)*

- 1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;
- 2. Có đơn xin nghỉ việc;
- 3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 54. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 55. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT: (Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 34, Khoản 1 Điều 37 Điều lệ công ty).

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty đối với Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Mục d, Khoản 1, Điều 37 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả;
2. Những vấn đề Tổng Giám đốc cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và hiệu quả quản lý của Công ty;
 - c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế quản lý nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - d. Hằng năm lập và trình HĐQT phê duyệt kế hoạch lao động trước khi thực hiện; tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Cuối mỗi năm, Tổng Giám đốc phải trình và xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh (nếu có);
- h. Các nội dung khác khi xét thấy vì lợi ích của Công ty.

Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: (Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao hoặc ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 51 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

Điều 58. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS: (Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 34, Khoản 3 Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và hiệu quả quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải do Tổng Giám đốc trình đề HĐQT thông qua;

- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HDQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HDQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn và các đoàn thể khác trong Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HDQT các giao dịch giữa Công ty với công ty con (do Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nắm quyền kiểm soát); giữa Công ty với thành viên HDQT hoặc với những người có liên quan tới thành viên HDQT theo quy định của pháp luật.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HDQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HDQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
- a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HDQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HDQT.
 - c. HDQT, thành viên HDQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HDQT, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên: (Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 37, Điều 39 Điều lệ công ty)

- 1. **Phối hợp hoạt động giữa BKS và HDQT:** BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HDQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HDQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HDQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho HDQT để có thêm cơ sở giúp HDQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HDQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống

nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và ủy quyền cho Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty với công ty con (do công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nắm quyền kiểm soát); giữa Công ty với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan tới Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;
 - f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. **Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:** BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT và Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và ủy quyền cho Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
3. **Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT:** Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT (người đại diện theo pháp luật) để trực tiếp điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả:
 - a. Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty; là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án, kế hoạch hoạt động cụ thể trình Hội đồng Quản trị thông qua nhằm tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
 - b. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chuẩn bị nội dung các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - c. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo kiến nghị ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
 - d. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất.
 - f. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ xem xét, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo Điều lệ Công ty.
 - g. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 - h. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hiệu quả quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được xem xét, quyết định;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến)

cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- j. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
- k. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn và các đoàn thể khác trong Công ty theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- l. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty với công ty con (do công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nắm quyền kiểm soát); giữa Công ty với Tổng giám đốc hoặc với những người có liên quan tới Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật;
- m. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

CHƯƠNG VII – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 60. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

- 1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
- 2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
- 3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
- 4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
- 5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định quản lý nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 61. Khen thưởng

- 1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống các tiêu chí khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 60 của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thường được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 62. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống các tiêu chí kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của vụ việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII - LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 63. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty *(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)*

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.

Điều 64. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty *(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)*

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách

quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 65. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty (Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 66. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 67. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG IX – CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 68. Công bố thông tin của công ty

Việc công bố thông tin của công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hội đồng quản trị công ty xây dựng và điều chỉnh Quy chế công bố thông tin của công ty, đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin của công ty.

CHƯƠNG X - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Căn cứ các quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị ban hành Quy định về quản lý nội bộ để cụ thể hóa theo yêu cầu điều hành thực tế, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XI - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 70. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương 70 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhất trí thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế.
2. Quy định tại Khoản 3 Điều 27 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019.
3. Quy chế quản trị này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Triệu

Số: /NQ-HDQT

TP. Bến Tre, ngày 19 tháng 06 năm 2018

ĐỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE NĂM 2018

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;
- Biên bản họp đại hội cổ đông ngày 19/06/2018.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 19/06/2018, tại Khách sạn Hàm Luông, Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Công trình Đô thị Bến Tre được tổ chức với sự tham gia của ... cổ đông sở hữu ... cổ phần chiếm ... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Nội dung 1: Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 2: Báo cáo Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 3: Báo cáo Kết quả hoạt động của BKS năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 4: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 5: Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

Báo cáo về tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	KH 2017	Kết quả thực hiện	KH 2018
1	Vốn điều lệ	36.000	36.000,00	36.000,00
2	Tổng doanh thu	57.000	69.249,90	70.000,00
	Trong đó : Doanh thu Tài chính, doanh thu khác	200	491,86	200,00
3	Lợi nhuận trước thuế	7.125	8.237,22	8.365,00
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	5.653	6.515,61	6.633,44
5	Trích lập các quỹ	1.978	2.250,09	2.308,79
	- Quỹ Đầu tư phát triển (15% LNST)	848	977,34	995,02
	- Quỹ Khen thưởng phúc lợi (15% LNST)	848	977,34	995,02
	- Quỹ thưởng NQL chuyên trách (*)	282	295,41	318,76
6	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	3.675	4.265,52	4.324,65
7	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức /(VDL) (%)	10,21	11,85	12,01
8	Chi cổ tức/(VDL) (%)	10,34	10,50	11,00
9	Lợi nhuận giữ lại chưa chia cổ tức (%)		1,35	1,01

(*) Quỹ thưởng NQL chuyên trách được trích bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách.

➤ *Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 6: Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về những vấn đề khác tại Đại hội thường niên năm 2017: cụ thể việc tham gia đầu tư Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội tại cơ sở 2, Trường Cao đẳng, xã Sơn Đông, Tp Bến Tre.

➤ *Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 7: Tờ trình Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

❖ *Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 như sau:*

Thù Lao HĐQT, thư ký:

- Thành viên HĐQT : 1 người x 5.000.000đ x 12 tháng = 60.000.000 đ
- Thành viên HĐQT : 1 người x 5.000.000đ x 7 tháng = 35.000.000 đ
- Thư ký HĐQT : 1 người x 2.700.000đ x 12 tháng = 32.400.000 đ

- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017 : 127.400.000 đồng

Thù lao BKS:

- Thành viên BKS : 2 người x 4.500.000 đ x 12 tháng = 108.000.000 đ
- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 108.000.000 đồng

Tổng số tiền thù lao HĐQT, BKS và thư ký đã chi năm 2017 : 235.400.000 đồng

❖ *Kế hoạch Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 như sau:*

Tổng số tiền thù lao HĐQT & BKS năm 2018: 292.800.000 đồng

Trong đó :

- Thành viên HĐQT: 2 người x 6.000.000đ x 12 tháng = 144.000.000 đ
- Thư ký HĐQT: 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng = 36.000.000 đ
- Thành viên BKS: 2 người x 4.700.000 đ x 12 tháng = 112.800.000 đ
- **Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.**

Nội dung 8: Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty với tiêu chuẩn như sau:

- ❖ Đơn vị kiểm toán phải có trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp là công ty đại chúng và trong 3 công ty sau:
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
 - Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
 - Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam
- ❖ Đơn vị kiểm toán phải là đơn vị có uy tín, chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ tốt, tính chính xác cao trong ngành tư vấn kiểm toán và chi phí hợp lý.
- **Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.**

Nội dung 09: Tờ trình bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty (lần 3).

Sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi lần 2 ngày 03/6/2017) cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị, điều hành thực tế của Công ty. Nội dung bổ sung, sửa đổi cụ thể chi tiết như Tờ trình đính kèm.

- **Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.**

Nội dung 10: Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Xây dựng quy chế quản trị công ty, nội dung chi tiết như Tờ trình đính kèm.

- **Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ... Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.**

Nghị quyết được ĐHCĐ Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cổ đông,
- HĐQT,
- Ban Tổng Giám Đốc,
- Thư ký công ty,
- UBCKNN, HNX, Website,
- Lưu

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**